

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của cổ phiếu nhóm ngân hàng sau khi Ngân hàng Nhà nước cho biết đến 22/12, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 12.7% so với cuối năm 2020, tương ứng tăng khoảng 14.6% so với cùng kỳ năm 2020 và đặt mục tiêu tín dụng năm 2022 sẽ tăng trưởng khoảng 14%

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCB, DCM

## [Cập nhật công ty]

GMD, FPT

## [Quan điểm đầu tư]

Sau khi gia tăng 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt bán 1 phần cân bằng lại tỷ trọng khi các cổ phiếu nắm giữ tiếp cận vùng cản gần.

28/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,494.39	+0.37
VN30	1,523.54	+0.59
HĐTL VN30F1M	1,520.20	+0.28
HNXIndex	458.05	+1.92
HNX30	782.15	+2.51
UPCoM	110.44	+0.06
USD/VND	22,848	+0.14
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.12	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.94	+3
Dầu (WTI, \$)	75.70	+0.17
Vàng (LME, \$)	1,815.10	+0.16

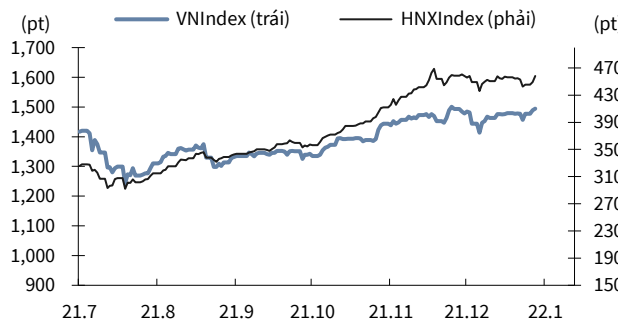


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,494.39 (+0.37%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>1,002.2 (+45.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,270.5 (+31.3%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>458.05 (+1.92%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>148.9 (+61.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>157.4 (+49.0%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>110.44 (+0.06%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>121.6 (+37.3%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>94.8 (+23.7%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+4.3</b>

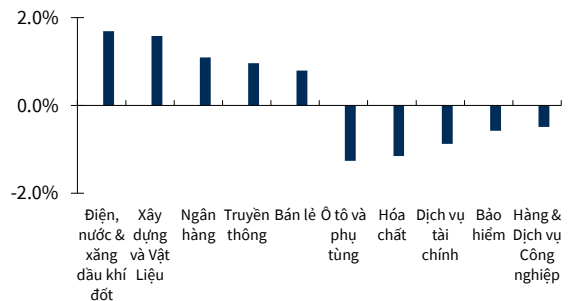
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của cổ phiếu nhóm ngân hàng sau khi Ngân hàng Nhà nước cho biết đến 22/12, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 12.7% so với cuối năm 2020, tương ứng tăng khoảng 14.6% so với cùng kỳ năm 2020 và đặt mục tiêu tín dụng năm 2022 sẽ tăng trưởng khoảng 14%. Cổ phiếu ngân hàng tăng điểm trước thông tin trên TPB (+3.2%), CTG (+1.5%), TCB (+0.6%). Theo đại diện Savills Việt Nam, trong năm 2022 các khu đô thị sẽ phát triển mạnh khi mà nguồn cung bất động sản nhà ở tại TP.HCM đang quá thiếu hụt tại các thành phố lớn và các tỉnh lân cận khiến giá cổ phiếu BĐS tăng giá ở DXG (+1.8%), NLG (+1.1%). Đại diện NHNN cho biết, năm 2022 NHNN sẽ tăng cường giám sát dòng tiền vào thị trường chứng khoán, tác động tiêu cực đến cổ phiếu chứng khoán ở HCM (-1.3%), SSI (-0.7%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (%), CTG (+1.5%), KBC (+1.8%).

VNIndex & HNXIndex



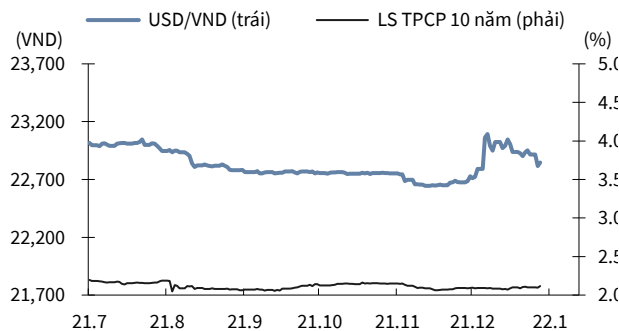
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



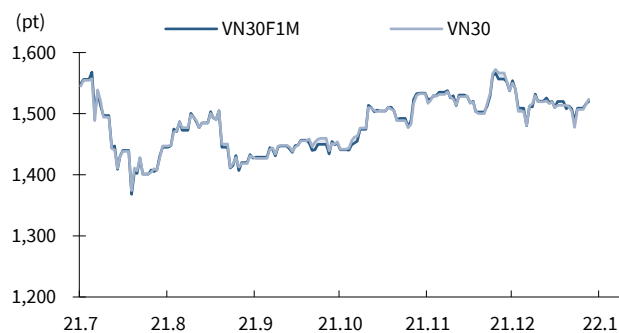
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,523.54 (+0.59%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,520.2 (+0.28%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,518.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,524.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,509.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>139,149 (+10.2%)</b>

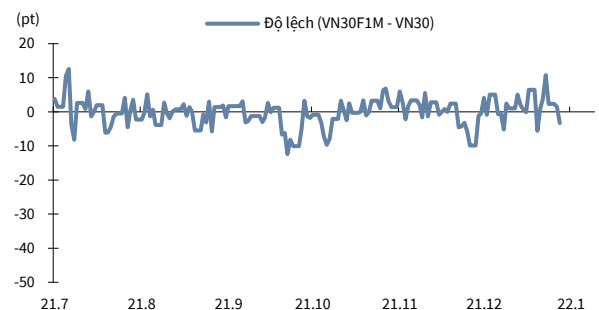
Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến chỉ số VN30. Chênh lệch F2201 và chỉ số VN30 ở cửa ở mức cao tại 6.25 điểm, sau đó biến động ở mức dương trong biên độ hẹp dần và đóng cửa ở mức -3.34 điểm do thông tin Việt Nam ghi nhận ca nhiễm biến thể Omicron đầu tiên được công bố đã tác động lên tâm lý nhà đầu tư. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng mạnh.

### HĐTL VN30F1M & VN30



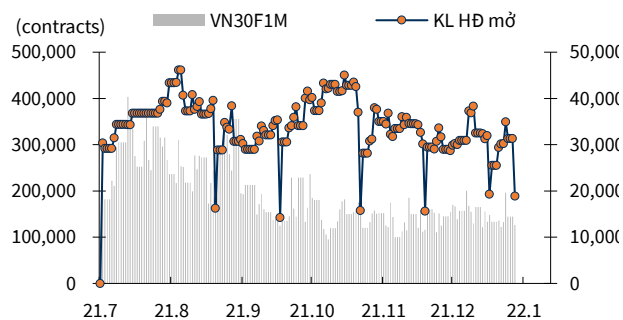
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



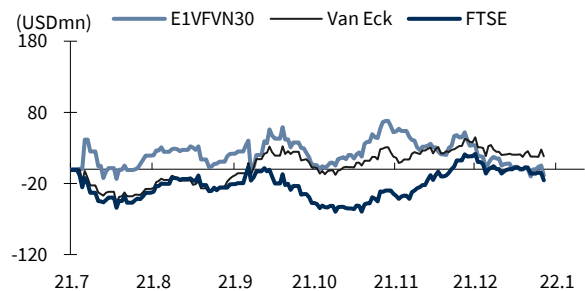
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

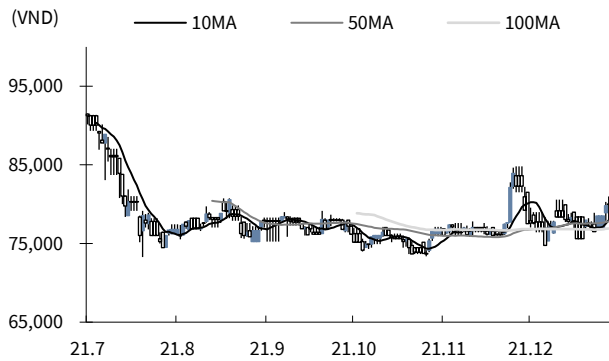
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)

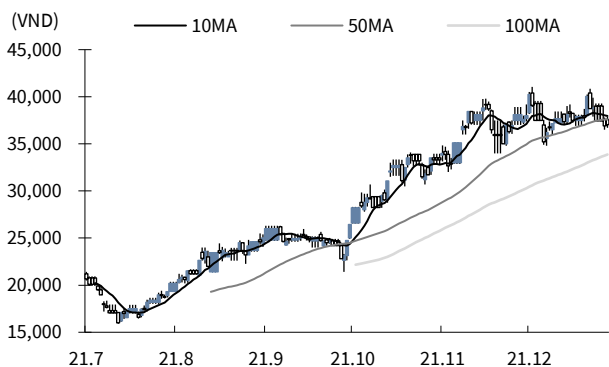


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB tăng 0.3% lên 80,000 VND/cp

- Vietcombank thông báo sẽ miễn phí hoàn toàn các giao dịch chuyển tiền trên kênh ngân hàng số VCB Digibank, miễn phí duy trì dịch vụ này và phí quản lý một tài khoản mặc định đăng ký từ 1/1/2022. Tuy nhiên, trong khi miễn phí dịch vụ trên VCB Digibank, Vietcombank tăng phí duy trì dịch vụ SMS chủ động.

## Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM tăng 0.4% lên 37,050 VND/cp

- Đạm Cà Mau thông báo điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2021, cụ thể, doanh nghiệp tăng chỉ tiêu lợi nhuận gấp 4.4 lần, từ 197 tỷ lên 867.5 tỷ đồng, tăng chỉ tiêu doanh thu 18% từ 7,839 tỷ đồng lên 9,168 tỷ đồng và tỷ lệ chia cổ tức từ 5% lên 10%. Doanh nghiệp cũng đã đề ra kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận sau thuế 513 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất đạt 9,060 tỷ đồng; và cổ tức 5%.

28/12/2021

9M2021, doanh thu tăng 14% yoy,  
LNST tăng 34.7% yoy

Cụm cảng Hải Phòng và Gemalink là  
động lực tăng trưởng chính

Lợi nhuận 2022 ước tính tăng trưởng  
35.1% yoy nhờ Gemalink đi vào hoạt  
động 90% công suất

GMD có thể ghi nhận lợi nhuận đột  
biến vào 2022 nhờ chuyển nhượng  
25% cổ phần tại Gemalink

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu  
56,300 VNĐ/cp

## Lợi nhuận 2022 tăng 36.3% nhờ Gemalink

Chuyên viên phân tích – Phạm Nhật Anh  
(+84) 33-2780-140

Lũy kế 9 tháng, Gemadept ghi nhận doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 2,168 tỷ (+14.1% yoy) và 575 tỷ (+34.7% yoy). Trong đó, doanh thu mảng cảng đạt 1,884 tỷ (+20% yoy), doanh thu mảng logistics đạt 284 tỷ (-14.2% yoy).

Tổng sản lượng cập cảng trong 3 quý đầu năm của Gemalink đạt 1,905,000 TEU (+52% yoy), trong đó đóng góp lớn nhất tới từ khối cảng Hải Phòng tăng 13% yoy lên 754,359 TEU và Gemalink đạt 528,351 TEU. Khối cảng Hải Phòng đã có tăng trưởng tích cực trong năm khi khu vực Lạch Huyện (trọng tải cập cảng -21.7% yoy) bị phù sa bồi lắng nên không tiếp được tàu trọng tải lớn.

Chúng tôi ước tính LNST của GMD trong 2022 có thể đạt 848 tỷ VNĐ (+36.3% yoy), trong đó đóng góp chính tới từ tăng trưởng vượt bậc của Gemalink với 137 tỷ đồng lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết so với 3 tỷ lợi nhuận của 2021. Giả định của chúng tôi tới từ mức sản lượng ước tính cho 2022 của Gemalink là 1.35 tr TEU (+50% yoy), cũng như cước phí tăng 10%.

Phía GMD cho biết công ty hiện đang làm việc với các hãng tàu trên thế giới để chuyển nhượng 25% vốn tại Gemalink ở công ty con (tỷ lệ lợi ích cho GMD là 15%), qua đó giảm tỷ lệ sở hữu tại Gemalink xuống 50%. Chúng tôi ước tính khoản chuyển nhượng này có thể đem về lợi nhuận cho GMD là 343 tỷ. Tuy nhiên, phần chuyển nhượng này chưa được cho vào định giá do cần thêm thông tin chi tiết về thời gian cũng như mức giá.

Sử dụng phương pháp định giá từng phần (SOTP), chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GMD, giá mục tiêu 56,300 VNĐ/cp, tương ứng mức sinh lời 22.9% so với giá đóng cửa ngày 26/12/2021.

## Mua

### Giá mục tiêu

VNĐ 56,300

Tăng/ giảm (%)	22.9%
Giá hiện tại (28/12/2021)	VNĐ 45,750
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 50,500

### Dự phóng KQKD & định giá

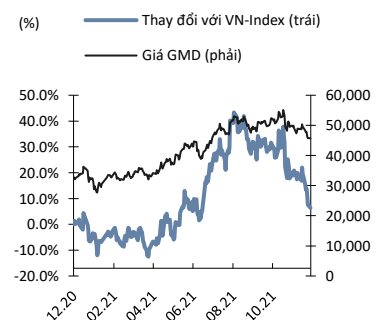
FY-end	2019	2020	2021	2022
Doanh số thuần (tỷ đồng)	2,643	2,606	2,900	3,226
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	1,013	950	1,117	1,253
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	614	440	622	848
EPS (VNĐ)	1,602	1,149	1,738	2,370
Tăng trưởng EPS (%)	-74.2%	-28.3%	53.6%	38.6%
P/E (x)	13.5	27.9	26.3	19.3
P/B (x)	1.0	1.5	2.0	1.8
ROE (%)	9.4%	6.7%	9.2%	11.3%
Dividend yield (%)	3%	2.6%	2.5%	2.5%

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	80%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	151
Sở hữu nước ngoài (%)	40.8%
Cổ đông nhà nước	0%

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
GMD	--8	-7	8	43
VNINDEX	4	-2	17	49



Source: Bloomberg, KBSV

# CTCP FPT (FPT)

## 3Q2021, LNST tăng 19.7% YoY

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ  
 Nguyễn Anh Tùng  
 tungna@kbsec.com.vn

27/12/2021

**3Q2021, LNST đạt 1,375 tỷ VND, tăng 19.7% YoY**

3Q2021, FPT duy trì tăng trưởng tích cực với doanh thu đạt 8,725 tỷ VND, tăng 15.5% YoY; LNST 3Q2021 đạt 1,375 tỷ VND, tăng 19.7% YoY. Doanh thu tháng 10-11/2021 đạt 6,848 tỷ VND, tăng 31.6% YoY; LNST tháng 10-11/2021 đạt 5,851 tỷ VND, tăng 19.8% YoY.

**Xuất khẩu phần mềm tại các thị trường trọng yếu tăng trưởng mạnh**

Mảng xuất khẩu phần mềm tại thị trường Mỹ, EU và thị trường APAC tăng trưởng ấn tượng trong 3Q2021, lần lượt đạt 64% YoY, 25% YoY và 22% YoY, trong khi đó thị trường Nhật Bản với tỷ trọng đóng góp lớn nhất tăng 9% YoY.

**Triển vọng tăng trưởng mảng công nghệ với động lực từ cả trong nước và quốc tế**

Trong 9M2021, giá trị đơn hàng kí mới dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 12,807 tỷ VND, tăng 33.5% YoY. Trong khi đó, nhu cầu chuyển đổi số trong nước tăng cao trong cả khối nhà nước lẫn tư nhân là động lực cho mảng dịch vụ CNTT trong nước phát triển. Đối với khối viễn thông, tăng trưởng ổn định ở mảng băng thông rộng và FPT Play sẽ là động lực chính.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 123,000 VND/cp**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 123,000 VND/cp, cao hơn 30.1% so với giá tại ngày 27/12/2021.

## Mua

**Giá mục tiêu VND 123,000**

Tăng/Giảm	30.1%
Giá hiện tại (27/12/2021)	VND 94,300
Giá mục tiêu thị trường	VND 82,000
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	85,756

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	87.06%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	247/10.9
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cơ cấu cổ đông	Trương gia Bình (7.05%)

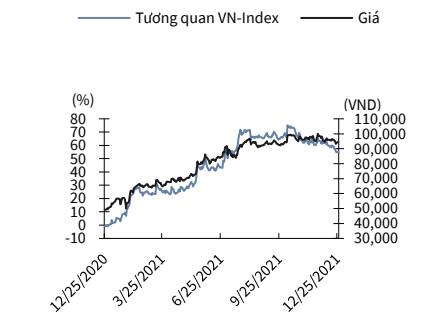
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3	0	6	95
Tương đối	-3	-9	-2	55

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	27,717	29,830	35,586	40,929
Tốc độ tăng trưởng(%)	19.40%	7.63%	19.30%	15.01%
Lợi nhuận gộp(tỷ VND)	10,712	11,814	13,879	16,208
Biên lợi nhuận gộp (%)	38.65%	39.60%	39.00%	39.60%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	3,912	4,424	5,355	6,369
Tốc độ tăng trưởng(%)	20.96%	13.09%	21.05%	18.94%
EPS (VND)	4,622	4,513	4,719	5,613
Tăng trưởng EPS	8.24%	-2.36%	4.58%	18.94%
P/E	19.9	20.3	19.5	16.4

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



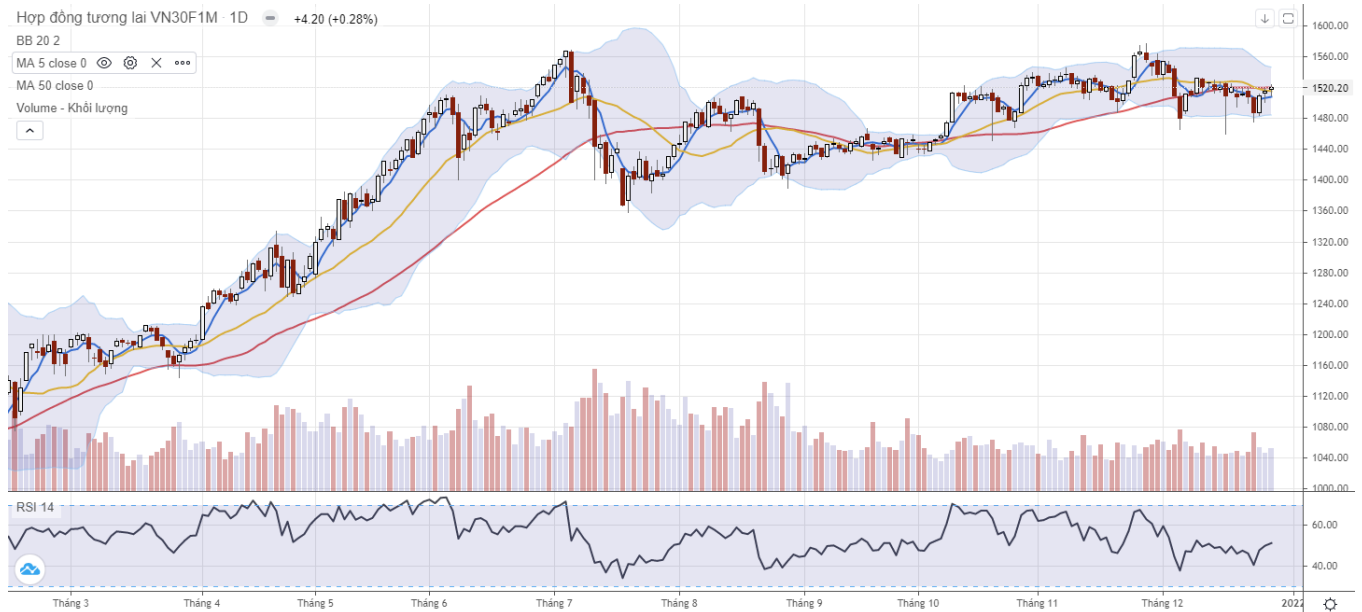
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên tăng điểm khá giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên.
- Áp lực chốt lời giá cao quanh vùng kháng cự then chốt 1500 khiến cho đà tăng của chỉ số không được duy trì đến cuối phiên. Mặc dù VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục diễn biến rung lắc trong những phiên tới, cơ hội mở rộng đà tăng điểm sau đó và hướng tới vùng đích kỳ vọng tại 1520 (+5) vẫn được đánh giá cao.
- Sau khi gia tăng 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt bán 1 phần cân bằng lại tỷ trọng khi các cổ phiếu nắm giữ tiếp cận vùng cản gần.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1539 – 1544

Kháng cự gần: 1527 – 1530

Hỗ trợ gần: 1514 – 1516

Hỗ trợ xa: 1495 – 1499

- F1 trải qua một phiên tăng điểm trong trạng thái giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh quanh vùng kháng cự then chốt 1520 (+5) khiến cho đà tăng của chỉ số không được duy trì đến cuối phiên. Mặc dù F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục diễn biến rung lắc trong những phiên tới, cơ hội mở rộng đà tăng điểm sau đó và hướng tới vùng đích kỳ vọng tại 1540 (+5) vẫn được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Long khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

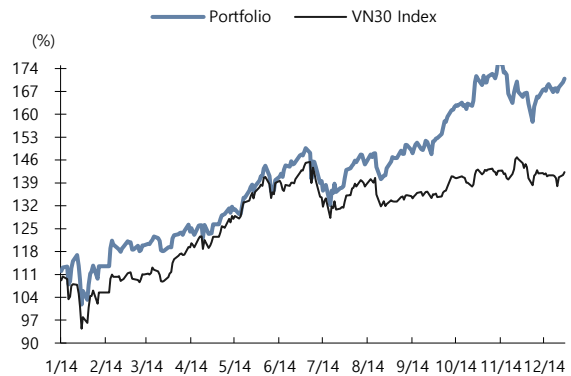
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.59%	0.58%
Tăng lũy kế (YTD)	42.28%	70.87%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	135,800	0.7%	74.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	63,000	1.1%	181.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	95,600	-0.4%	25.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	182,400	-0.9%	-4.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	71,900	0.0%	111.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	94,500	0.0%	224.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,900	1.5%	76.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	98,100	2.3%	30.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	45,800	-0.2%	217.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	62,100	1.8%	345.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	25.5%	117.1
CTG	1.5%	15.5%	90.2
KBC	1.8%	32.0%	86.0
STB	6.9%	13.7%	50.7
DXG	1.9%	30.2%	49.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	1.5%	31.9%	-111.1
VCB	0.3%	9.2%	-111.3
VNM	-0.7%	19.7%	-21.4
VGC	-0.6%	23.8%	4.9
CII	7.0%	18.6%	-5.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
GMA	0.0%	37.7%	2.0
PVI	0.0%	0.3%	1.6
MBG	0.0%	0.2%	0.8
KLF	1.2%	3.7%	0.5
DL1	2.7%	1.2%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	9.9%	10.9%	-278.9
HUT	5.6%	0.0%	-2.7
GKM	0.7%	8.3%	-2.4
OCH	9.8%	1.0%	-0.9
LAS	-6.2%	0.1%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	5.2%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	4.9%	TCH, HHS
Ngân hàng	3.7%	VCB, EIB
Bán lẻ	3.6%	MWG, FRT
Xây dựng và Vật Liệu	3.1%	VCG, ROS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-5.1%	DHG, TNH
Dịch vụ tài chính	-4.9%	SSI, VND
Bảo hiểm	-2.8%	BVH, BMI
Hóa chất	-0.7%	DCM, DPM
Bất động sản	-0.6%	VHM, NVL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	15.5%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	12.2%	TCH, SVC
Xây dựng và Vật Liệu	9.0%	ROS, CII
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.6%	POW, NT2
Thực phẩm và đồ uống	4.1%	MSN, HAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-11.6%	PME, TNH
Bảo hiểm	-7.5%	BVH, BIC
Dịch vụ tài chính	-7.5%	SSI, VCI
Tài nguyên Cơ bản	-5.9%	HPG, HSG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-5.5%	TMS, GMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	367,314 (16.1)	22.5	101.6	71.5	14.7	4.2	5.7	4.1	3.8	-0.6	0.3	-0.1	2.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	589,988 (25.8)	26.6	9.9	8.9	35.9	31.5	27.5	2.9	2.3	0.0	-3.7	-0.6	20.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	240,867 (10.5)	17.8	37.9	24.4	-7.6	6.1	9.0	2.3	2.1	-1.6	-1.9	1.3	-1.9
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	453,639 (19.8)	31.3	40.7	29.6	6.7	13.8	13.9	5.5	4.9	-2.2	-2.3	3.0	137.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	101,938 (4.4)	11.6	30.7	22.7	18.0	13.5	15.7	3.5	3.2	-0.9	4.6	13.3	97.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	395,342 (17.3)	13.9	16.7	13.4	-	16.5	16.4	2.4	2.0	1.8	0.0	25.3	158.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	103,771 (4.5)	6.3	19.2	16.0	11.7	20.5	20.4	3.3	2.5	0.3	3.2	-2.8	4.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	82,109 (3.6)	12.7	19.4	14.6	-5.3	13.2	15.5	2.1	1.9	-0.3	1.1	-2.6	-7.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	541,454 (23.7)	0.0	10.0	8.4	14.3	21.0	20.0	1.9	1.5	0.6	-0.2	-9.0	56.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	275,528 (12.0)	1.4	12.5	9.0	61.1	16.3	19.6	1.7	1.4	1.5	5.9	-1.2	26.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	643,227 (28.1)	0.0	12.1	10.2	18.8	18.0	16.1	1.8	1.6	0.6	1.2	-	91.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	251,615 (11.0)	0.0	8.9	7.5	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	0.5	1.3	-6.6	67.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	186,257 (8.1)	4.2	10.6	9.5	23.3	20.9	19.9	2.1	1.7	6.1	3.7	-2.7	60.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	492,698 (21.5)	14.0	18.3	13.7	26.5	10.0	11.4	1.6	1.5	6.9	6.6	-2.6	77.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	243,544 (10.6)	0.0	14.0	11.5	37.5	21.2	20.2	2.6	2.1	3.2	8.4	19.5	111.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	27,962 (1.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	6.4	32.7	23.3	84.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	52,473 (2.3)	21.0	22.4	18.8	15.8	9.1	10.1	1.9	1.8	-0.7	-2.3	-	-15.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	26,900 (1.2)	14.2	21.6	18.6	9.1	10.9	12.6	2.0	1.9	0.1	-7.2	-3.4	69.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,004,897 (43.9)	55.4	21.4	23.3	-3.2	17.7	13.7	-	-	-0.7	-7.0	-8.8	123.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	232,090 (10.1)	71.9	17.0	-	-4.0	25.0	25.8	-	-	-0.8	-5.7	-9.7	144.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	218,768 (9.6)	52.4	16.4	-	-19.0	23.0	21.4	-	-	-1.3	-5.3	11.0	81.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	527,530 (23.0)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	-1.9	-7.4	0.6	318.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	159,031 (6.9)	42.1	17.7	16.7	4.0	33.3	33.8	5.4	5.1	-0.7	0.0	-3.2	-21.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,300 (1.0)	36.9	27.3	22.0	7.3	17.6	19.4	4.2	3.7	0.3	-0.4	-7.4	-23.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	543,431 (23.7)	16.5	39.4	31.2	-51.9	31.6	23.1	9.2	7.2	1.5	2.9	8.9	92.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	192,661 (8.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-3.4	16.7	57.0	-11.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	94,592 (4.1)	11.0	-	54.5	-88.5	1.0	10.1	-	-	0.2	2.2	-3.3	0.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	79,846 (3.5)	10.8	38.2	26.0	-57.0	8.6	12.2	2.3	2.3	-0.1	-4.0	-7.5	40.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	372,140 (16.2)	38.4	180.2	24.1	65.7	1.3	8.2	2.2	2.0	7.0	8.4	61.3	108.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	402,661 (17.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.8	17.4	106.6	459.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	588,637 (25.7)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	0.5	1.8	-7.3	138.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	76,488 (3.3)	3.6	57.0	20.5	-52.4	1.6	4.5	0.9	0.9	4.1	16.6	40.4	33.7
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	51,691 (2.3)	0.0	13.1	10.4	-4.5	11.9	13.2	1.6	1.4	0.0	4.2	7.3	46.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	88,950 (3.9)	46.1	19.3	15.9	-17.5	19.7	22.3	3.8	3.4	2.3	4.4	-3.8	13.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	49,540 (2.2)	31.4	14.0	10.5	-10.5	12.6	15.7	1.8	2.2	1.9	0.2	18.8	8.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	8,653 (0.4)	34.1	17.7	13.5	-5.1	8.9	11.6	1.5	1.6	0.0	0.2	7.2	0.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	861,362 (37.6)	18.0	5.6	6.5	21.9	45.3	29.6	2.1	1.6	-0.2	-0.7	-6.6	49.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	267,536 (11.7)	36.5	8.4	10.7	-0.5	28.4	19.3	2.1	1.9	-0.6	-3.0	4.0	178.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	251,818 (11.0)	46.5	15.9	11.5	-4.5	19.8	22.4	2.8	2.6	0.4	-7.5	-2.8	164.6
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	236,203 (10.3)	38.9	5.8	6.5	67.9	25.0	19.2	1.3	1.0	1.8	3.0	-9.7	78.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	153,041 (6.7)	97.2	26.6	23.3	17.2	-	-	1.5	1.4	-2.7	10.1	26.0	62.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	74,682 (3.3)	4.6	24.9	17.2	-51.0	14.7	16.3	3.0	2.9	-0.6	1.5	-5.3	-1.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	162,689 (7.1)	39.9	177.0	25.0	-11.9	0.5	4.2	0.9	0.9	0.0	8.2	12.7	83.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	55,969 (2.4)	35.9	11.4	9.2	1.2	14.3	16.7	1.5	1.4	-1.0	2.2	-0.4	69.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	122,921 (5.4)	0.0	21.1	15.3	13.7	26.6	28.3	4.8	3.9	0.7	2.1	-4.0	71.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	46,166 (2.0)	0.0	23.3	16.0	2.4	18.4	22.9	3.9	3.3	-0.4	0.8	-5.8	18.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,372 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.1	11.9	41.7	-48.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	101,234 (4.4)	30.3	47.8	47.2	-75.2	13.4	12.6	6.2	5.6	3.1	16.5	73.5	215.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,549 (2.2)	34.6	25.9	10.5	41.2	13.4	30.4	2.9	2.6	-0.4	0.0	1.4	13.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	7,987 (0.3)	45.4	19.4	18.4	10.7	21.7	21.1	3.9	3.6	0.3	-	16.5	11.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	278 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	128,055 (5.6)	0.0	20.5	16.7	15.5	24.0	25.3	4.4	4.0	0.0	-0.7	-4.4	83.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

